

Số: 448/QĐ-CĐSPBN

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### V/v phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH15 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2025; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX kỳ họp thứ 8 về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng QLKH-Kế hoạch, Tài vụ trường CĐSP Bắc Ninh.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh như sau:

### I. Dự toán thu sự nghiệp, dịch vụ

- |                                 |                    |
|---------------------------------|--------------------|
| 1. Tổng thu sự nghiệp, dịch vụ: | 13.097 triệu đồng. |
| 2. Số nộp NSNN:                 | 322 triệu đồng.    |
| 3. Số thu được để lại chi:      | 12.775 triệu đồng. |

Trong đó: dành 40% tạo nguồn CCTL:

### II. Dự toán chi ngân sách nhà nước

- |   |                    |
|---|--------------------|
| 1. Tổng dự toán chi NSNN:                                   | 56.429 triệu đồng. |
| 2. Trừ kinh phí tạo nguồn làm lương:                        |                    |
| 3. Giảm chi NSNN đối với đơn vị tự đảm bảo một phần chi TX: |                    |
| 4. Dự toán NSNN còn được chi:                               | 56.429 triệu đồng. |
| - Quỹ tiền thưởng NĐ 73/2024/NĐ-CP:                         | 1.111 triệu đồng   |
| - Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:              | 55.318 triệu đồng  |

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, phòng QLKH-Kế hoạch, Tài vụ, trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

**Điều 3.** Trưởng phòng QLKH - Kế hoạch, Tài vụ, trưởng các đơn vị, tổ chức, viên chức, người lao động trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- KBNN khu vực VI (k/s chi);
- Lưu: VT, QLKH-KHTV.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Hữu Tuyên**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Mã số QHNS: 1019336

Mã KBNN nơi giao dịch: 1172

(Kèm theo Quyết định số 448/QĐ-CĐSPBN ngày 31/12/2025 của Trường CĐSP Bắc Ninh)

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Nội dung	Loại	Khoản	Tổng số
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN</b>			<b>13.097</b>
I	Số nộp thuế theo quy định			322
	thu sản xuất, dịch vụ			322
II	Số được để lại chi theo quy định			12.775
	Trong đó: Đơn vị dành tối thiểu 40% số thu được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương năm 2026 theo quy định			
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NSNN</b>			<b>56.429</b>
	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ			56.429
I	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (Nguồn 18)	070	093	1.111
II	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Nguồn 12)	070	093	55.318

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 448/QĐ-CDSPBN ngày 31/12/2025 của Trường CDSP Bắc Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Loại	Khoản	Tổng số
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN</b>			<b>13.097</b>
I	Số nộp thuế theo quy định			322
	thu sản xuất, dịch vụ			322
II	Số được để lại chi theo quy định			12.775
	<i>Trong đó: Đơn vị dành tối thiểu 40% số thu được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương năm 2026 theo quy định</i>			
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NSNN</b>			<b>56.429</b>
	<b>CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ</b>	<b>070</b>	<b>093</b>	<b>56.429</b>
I	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (Nguồn 18)			1.111
II	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Nguồn 12)			55.318
	<b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN: 1019336</b>			
	<b>Mã số KBNN nơi giao dịch: 1172</b>			

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH****THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2026***(Kèm theo Quyết định số 448/QĐ-CDSPBN ngày 31/12/2025 của Trường CDSP Bắc Ninh)*

Số TT	Tên đơn vị - Nội dung	Mã nguồn	Tổng số tiền	Thuyết minh
	<b>2</b>		<b>3</b>	
<b>A</b>	<b>PHẦN THU</b>		<b>13.097</b>	
*	<b>Tổng số thu, trong đó:</b>		<b>13.097</b>	
-	Thu học phí chính quy		6.759	(NSNN cấp hỗ trợ theo NĐ 116/2020)
-	Thu hoạt động liên kết đào tạo, VLVH		3.890	
-	Thu hoạt động dịch vụ, thu khác		2.448	
*	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b>		<b>322</b>	
-	Thu học phí		135	
-	Thu hoạt động liên kết đào tạo, VLVH (2% x tổng thu)		78	
-	Thu hoạt động dịch vụ, thu khác (2%, 5% x tổng thu)		109	
*	<b>Tổng số thu được để lại chi</b>		<b>12.775</b>	
-	Thu học phí (NSNN hỗ trợ theo NĐ 116/2020)		6.624	
-	Thu hoạt động liên kết đào tạo, VLVH		3.812	
-	Thu hoạt động dịch vụ, thu khác		2.339	
<b>B</b>	<b>CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN CẤP CÒN ĐƯỢC CHI</b>		<b>56.429</b>	
<b>1</b>	<b>NSNN hỗ trợ theo trần học phí</b>	<b>12</b>	<b>12.835</b>	
-	Ngân sách nhà nước cấp		6.076	
-	<i>Ngân sách nhà nước hỗ trợ học phí sư phạm</i>		6.759	
<b>2</b>	<b>Chi phí sinh hoạt của sinh viên (theo NĐ 116/2020)</b>	<b>12</b>	<b>31.454</b>	
<b>3</b>	<b>Tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP</b>	<b>18</b>	<b>1.111</b>	
<b>4</b>	<b>NSNN cấp bù lương do mức trần học phí không đủ chi trả lương</b>	<b>12</b>	<b>11.029</b>	
<b>C</b>	<b>CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN</b>		<b>56.429</b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>12</b>	<b>23.864</b>	
	<i>Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp</i>		<i>23.864</i>	
	<i>Biên chế</i>		23.864	<i>(Quyết định giao biên chế 180/QĐ-UBND giao 114 biên chế, hiện có 83)</i>
	Lương của biên chế		10.861	<i>(Hệ số 386,79*2,34*12 tháng)</i>
	Phụ cấp chức vụ		359	<i>(Hệ số 12,8*2,34*12 tháng)</i>
	Phụ cấp vượt khung		118	<i>(Hệ số 4,22 * 2,34 * 12 tháng)</i>
	Phụ cấp thâm niên		2.340	<i>(Hệ số 83,34*2,34*12 tháng)</i>

	Phụ cấp trách nhiệm		61	(Hệ số 2,17 * 2,34* 12 tháng)
	Phụ cấp ưu đãi ngành		4.315	(Hệ số 153,68*2,34*12 tháng)
	Các khoản đóng góp của biên chế		3.215	(Hệ số lương+Hệ số PC chức vụ + PC vượt khung + PC thâm niên = (386,79+12,8+4,22+83,34)*23,5%* 2,34*12 tháng)
	Tăng lương thường xuyên từ tháng 10/2025 đến tháng 12/2025		11	(Hệ số lương + Hệ số PCTNN+ Hệ số PCUDN + các khoản đóng góp)*2,34* số tháng bình quân= 0,99+0,13+0,4+0,26)*2,34*2,67
	Tăng lương thường xuyên năm 2026		285	(Hệ số lương + Hệ số PCTNN+ Hệ số PCUDN + các khoản đóng góp)*2,34* số tháng bình quân= 10,6+1,89+4,18+2,895)*2,34*6,23
	Tăng vượt khung năm 2026		68	(Hệ số lương + Hệ số PCTNN+ Hệ số PCUDN + các khoản đóng góp)*2,34* số tháng bình quân = 1,72+0,49+0,67+0,52)*2,34*8,5
	Tăng lương trước hạn 2026		112	10% số biên chế (Hệ số tăng lương trước thời hạn + Hệ số PCTNN + PCUDN + các khoản đóng góp) * 2,34* số tháng dự kiến tăng = 10%* 83 người *0,34 = 2,82+0,56+ 1,13+0,8)*2,34*9 tháng
	Lương của biên chế và HĐ 111 thiếu so với QĐ được giao		1.987	(Biên chế giao 101, hiện có 83, còn thiếu 18 người; HĐ 111 giao 4, hiện có 3, thiếu 1 người)
	Tăng phụ cấp thâm niên nghề 2026		131	(Chênh lệch hệ số PCTNN+ các khoản đóng góp)*2,34* 12 tháng = (3,769+0,886)*2,34*12
<b>2</b>	<b>Kinh phí chi không thường xuyên</b>		<b>32.565</b>	
<b>2.1</b>	<b>Hợp đồng 111</b>		<b>309</b>	(Quyết định giao biên chế 180/QĐ-UBND giao 04 hợp đồng 111, hiện có 03)
	Lương của HĐ 111		252	(Hệ số 8,98*2,34*12 tháng)
	Các khoản đóng góp của HĐ 111		57	(Hệ số 8,98*23,5%*2,34*12 tháng)
<b>2.2</b>	<b>Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP</b>	<b>18</b>	<b>1.111</b>	
	Quỹ tiền thưởng của biên chế		1.086	(Hệ số lương biên chế tháng 9/2025: 386,79 * 2,34*10%*12T)
	Quỹ tiền thưởng của hợp đồng 111		25	(Hệ số lương HĐ 111 tháng 9/2025: 8,98 * 2,34*10%*12T)
<b>2.3</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ chính sách</b>	<b>12</b>	<b>31.454</b>	
	Kinh phí hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm		31.454	(theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ)

<b>D</b>	<b>CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN THUSỰ NGHIỆP</b>		<b>8.964</b>	
<b>I</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN THU HỌC PHÍ</b>		<b>3.072</b>	
1	Nộp thuế		135	
2	Chi phí tiền lương, tiền công, thù giờ và chi phí khác cho nhân viên		1.500	
3	Chi chuyên môn nghiệp vụ		1.041	
4	Chi vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		346	
5	Chi khác		50	
<b>II</b>	<b>CHI TỪ HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO, VLVH</b>		<b>3.579</b>	
1	Nộp thuế		78	
2	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		1.070	
3	Chi chuyên môn nghiệp vụ		1.728	
4	Chi vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		300	
5	Chi khác		403	
<b>III</b>	<b>CHI TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ, THU KHÁC</b>		<b>2.313</b>	
1	Nộp thuế		109	
2	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		1.145	
3	Chi tiền công hợp đồng thời vụ		489	
4	Chi vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		490	
5	Chi khác		80	